

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ  
PHÒNG HÓA NGHIỆM

Địa chỉ: Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ



VILAS 1300

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 26/10/09/NSH17.1

- Tên mẫu: Nước sinh hoạt
- Vị trí lấy mẫu: Tuyến ống truyền tải nước sạch cấp 1 Km6 Đại Lộ Thăng Long
- Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
- Địa chỉ: Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ
- Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thái Sơn
- Lượng mẫu: 2.0 lít
- Mô tả mẫu: Đựng trong 02 chai nhựa 500 mL, 1 chai thủy tinh 1 lít
- Thời gian lấy mẫu: 9h35 ngày 09/10/2026 Thời gian thử nghiệm từ ngày 09/10/2026 đến 12/10/2026
- Kết quả thử nghiệm:

| TT | Tên chỉ tiêu         | Phương pháp thử  | Đơn vị    | Kết quả        | QCVN 01-1:2024/BYT |
|----|----------------------|------------------|-----------|----------------|--------------------|
| 1  | Độ màu*              | Hach Method 8025 | Pt-Co     | <5             | 15                 |
| 2  | Mùi                  | Cảm quan         | -         | Không mùi lạ   | Không có mùi lạ    |
| 3  | Độ đục*              | SMEWW 2130B:2023 | NTU       | KPH (LOD=0.2)  | 2                  |
| 4  | pH*                  | TCVN 6492:2011   | -         | 7.58           | 6.0 ÷ 8.5          |
| 5  | Độ cứng*             | TCVN 6224:1996   | mg/l      | 81             | 300                |
| 6  | Hàm lượng Clorua*    | TCVN 6194:1996   | mg/l      | 8.9            | 250                |
| 7  | Hàm lượng Sắt*       | Hach Method 8008 | mg/l      | <0.05          | 0.3                |
| 8  | Hàm lượng Mangan*    | Hach Method 8149 | mg/l      | 0.04           | 0.1                |
| 9  | Hàm lượng Nitrat*(N) | Hach Method 8039 | mg/l      | 0.8            | 11                 |
| 10 | Hàm lượng Nitrit*(N) | Hach Method 8507 | mg/l      | <0.009         | 0.9                |
| 11 | Hàm lượng Amoni*(N)  | Hach Method 8155 | mg/l      | KPH (LOD=0.02) | 1                  |
| 12 | Hàm lượng Sulfat*    | Hach Method 8051 | mg/l      | 8              | 250                |
| 13 | Hàm lượng Nhôm       | Hach Method 8012 | mg/l      | 0.101          | 0.2                |
| 14 | Chỉ số pecmanganat*  | TCVN 6186:1996   | mg/l      | 0.74           | 2                  |
| 15 | Clo dư*              | Hach Method 8021 | mg/l      | 0.38           | 0.2 ÷ 1.0          |
| 16 | Coliform tổng số*    | TCVN 6187-1:2019 | CFU/100ml | <1             | < 1                |
| 17 | E.Coli*              | TCVN 6187-1:2019 | CFU/100ml | <1             | < 1                |

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- LOD: Giới hạn phát hiện; - LOQ: Giới hạn định lượng; - KPH: Không phát hiện.

Phú Thọ, ngày 24 tháng 10 năm 2026

Quản lý kỹ thuật

Trưởng phòng hóa nghiệm

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

P. Tổng Giám đốc

*(Signature)*

*(Signature)*



Nguyễn Duy Thắng

Đỗ Văn Hiệu

Trịnh Văn Nam

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Hóa nghiệm.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Chỉ tiêu đánh dấu \* là chỉ tiêu được công nhận VILAS.